BỘ TƯ PHÁP
TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2021
(KHU VỰC THI: MIỀN BẮC)

(Kèm theo Thông báo số 185/TB-HĐTT ngày 27/5/2022 của Hội đồng thi tuyển công chức)

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Bắc Giang	0001	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
2	Bắc Giang	0002	Phạm Nguyệt Hằng	Nữ	1982	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
3	Bắc Giang	0003	Dương Thị Yên Khánh	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
4	Bắc Giang	0004	Hoàng Thị Ngọc Minh	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
5	Bắc Giang	0005	Vũ Hồng Nhung	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
6	Bắc Giang	0006	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Nữ	1992	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
7	Bắc Giang	0007	Trương Thị Minh Trang	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	48	27	28		Đạt	
8	Bắc Giang	0008	Tống Thị Hồng Yến	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
9	Bắc Giang	0009	Nguyễn Duy Anh	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	42	20	22		Đạt	
10	Bắc Giang	0010	Vi Ngọc Ly	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	51	28	26		Đạt	
11	Bắc Giang	0011	Đoàn Sĩ Thái Sơn	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	43	19	18		Đạt	
12	Bắc Giang	0012	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
13	Bắc Giang	0013	Vũ Thị Hoa	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	57	27	27		Đạt	
14	Bắc Giang	0014	Dương Thị Tuyên	Nữ	1986	Chi cục THADS huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	50	22	21		Đạt	
15	Bắc Giang	0015	Dương Thị Thảo	Nữ	1993	Chi cục THADS huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	52	22	22		Đạt	
16	Bắc Giang	0016	Trần Thị Uyên	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
17	Bắc Giang	0017	Nguyễn Thế Anh	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	42	11	17		Không đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
18	Bắc Giang	**0018**	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
19	Bắc Giang	**0019**	Đinh Minh Đức	Nam	1992	Chi cục THADS huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	39	17	20		Đạt	
20	Bắc Giang	**0020**	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
21	Bắc Giang	**0021**	Leo Thị Hồng	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	39	15	21		Đạt	
22	Bắc Giang	**0022**	Nguyễn Đức Huy	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	45	25	19		Đạt	
23	Bắc Giang	**0023**	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	40	20	16		Đạt	
24	Bắc Giang	**0024**	Hoàng Thị Sen	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	44	12	15		Không đạt	
25	Bắc Giang	**0025**	Đỗ Thị Kiều Chinh	Nữ	1996	Chi cục THADS thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	37	19	21		Đạt	
26	Bắc Giang	**0026**	Vi Ngọc Điệp	Nữ	1999	Chi cục THADS thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
27	Bắc Giang	**0027**	Lê Quý Đinh	Nam	1997	Chi cục THADS thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
28	Bắc Giang	**0028**	Trương Thị Phương Giang	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
29	Bắc Giang	**0029**	Đặng Linh Hương	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Chuyên viên tổ chức THA	39	26	22		Đạt	
30	Bắc Ninh	**0030**	Vi Thị Diễm	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
31	Bắc Ninh	**0031**	Nguyễn Văn Dương	Nam	1999	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
32	Bắc Ninh	**0032**	Nguyễn Thị Hà	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
33	Bắc Ninh	**0033**	Phạm Ngọc Hanh	Nam	1994	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	47	20	20		Đạt	
34	Bắc Ninh	**0034**	Nguyễn Thị Bích Hiền	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	50	28	27		Đạt	
35	Bắc Ninh	**0035**	Vũ Thị Thu Hoài	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	50	20	16		Đạt	
36	Bắc Ninh	**0036**	Vũ Thị Huyền	N\ữ	1999	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	49	28	23		Đạt	
37	Bắc Ninh	**0037**	Nguyễn Đăng Hưng	Nam	1996	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
38	Bắc Ninh	**0038**	Ngô Thị Hương	Nữ	1995	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	39	15	18		Đạt	
39	Bắc Ninh	**0039**	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	54	28	27		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
40	Bắc Ninh	0040	Bùi Nhật Linh	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	51	29	27		Đạt	
41	Bắc Ninh	0041	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
42	Bắc Ninh	0042	Nguyễn Thị Hoàng Mai	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	46	23	19		Đạt	
43	Bắc Ninh	0043	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	48	27	24		Đạt	
44	Bắc Ninh	0044	Phạm Trọng Nghĩa	Nam	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	38	23	22		Đạt	
45	Bắc Ninh	0045	Phạm Minh Nhật	Nam	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
46	Bắc Ninh	0046	Nguyễn Kim Oanh	Nữ	1995	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	53	26	23		Đạt	
47	Bắc Ninh	0047	Triệu Thị Kim Soan	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
48	Bắc Ninh	0048	Nguyễn Thị Ngọc Tú	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	43	26	18		Đạt	
49	Bắc Ninh	0049	Nguyễn Vân Thanh	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	56	27	23		Đạt	
50	Bắc Ninh	0050	Nguyễn Minh Thắng	Nam	1998	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
51	Bắc Ninh	0051	Đàm Thị Thiệp	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
52	Bắc Ninh	0052	Đỗ Thị Hiệp Trang	Nữ	1995	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	48	26	22		Đạt	
53	Bắc Ninh	0053	Nguyễn Mai Trang	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	50	27	24		Đạt	
54	Bắc Ninh	0054	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	1991	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	41	26	19		Đạt	
55	Bắc Ninh	0055	Lê Thị Hải Yến	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
56	Bắc Ninh	0056	Phạm Tuấn Anh	Nam	1991	Chi cục THADS huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	22	12	15	Cảnh cáo	Không đạt	
57	Bắc Ninh	0057	Phạm Tiến Đức	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
58	Bắc Ninh	0058	Vũ Thị Khương	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA	35	18	20		Đạt	
59	Bắc Ninh	0059	Ngô Văn Quyền	Nam	1990	Chi cục THADS huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
60	Hà Nội	0060	Đặng Thùy Anh	Nữ	1996	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
61	Hà Nội	0061	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	1999	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	42	27	20		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
62	Hà Nội	**0062**	Nguyễn Vũ Vân Anh	Nữ	1999	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	50	27	23		Đạt	
63	Hà Nội	**0063**	Phạm Vương Thu Dạ	Nữ	1992	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
64	Hà Nội	**0064**	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	1994	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
65	Hà Nội	**0065**	Đinh Thị Dương	Nữ	1997	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
66	Hà Nội	**0066**	Trần Bình Dương	Nam	1995	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	44	22	23		Đạt	
67	Hà Nội	**0067**	Trần Đạt Đức	Nam	1999	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	52	26	25		Đạt	
68	Hà Nội	**0068**	Trần Thị Phương Hà	Nữ	1998	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
69	Hà Nội	**0069**	Bằng Thị Hiền	Nữ	1994	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
70	Hà Nội	**0070**	Phạm Hải Linh	Nam	1990	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
71	Hà Nội	**0071**	Thái Thị Ngọc Linh	Nữ	1995	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	39	25	23		Đạt	
72	Hà Nội	**0072**	Nguyễn Khánh Ly	Nữ	1997	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	55	28	23		Đạt	
73	Hà Nội	**0073**	Đinh Ánh Ngọc	Nữ	1996	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
74	Hà Nội	**0074**	Đỗ Thị Nhàn	Nữ	1999	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	39	19	17		Đạt	
75	Hà Nội	**0075**	Bùi Mạnh Nhất	Nam	1999	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	47	26	23		Đạt	
76	Hà Nội	**0076**	Đặng Hồng Nhung	Nữ	1997	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
77	Hà Nội	**0077**	Trịnh Văn Phát	Nam	1992	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
78	Hà Nội	**0078**	Nguyễn Xuân Phong	Nam	1997	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	41	27	17		Đạt	
79	Hà Nội	**0079**	Cung Phi Tài Phương	Nam	1999	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	56	27	28		Đạt	
80	Hà Nội	**0080**	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	1993	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
81	Hà Nội	**0081**	Nguyễn Duy Thái	Nam	1995	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
82	Hà Nội	**0082**	Tiên Hà Thanh	Nữ	1998	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
83	Hà Nội	**0083**	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	1999	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	58	21	Miễn thi		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
84	Hà Nội	**0084**	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	1998	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
85	Hà Nội	**0085**	Lương Thu Trang	Nữ	1997	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
86	Hà Nội	**0086**	Nguyễn Thị Vân	Nữ	1999	Cục THADS TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	45	23	18		Đạt	
87	Hà Nội	**0087**	Phạm Thị Ngọc Bích	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
88	Hà Nội	**0088**	Đinh Thị Thùy Dung	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	44	25	16		Đạt	
89	Hà Nội	**0089**	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	42	17	22		Đạt	
90	Hà Nội	**0090**	Hoàng Thị Huyền	Nữ	1993	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
91	Hà Nội	**0091**	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	46	22	23		Đạt	
92	Hà Nội	**0092**	Trần Thu Huyền	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	50	28	26		Đạt	
93	Hà Nội	**0093**	Đỗ Thị Kim Liên	Nữ	1988	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	45	11	17		Không đạt	
94	Hà Nội	**0094**	Lê Trung Nghĩa	Nam	1977	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
95	Hà Nội	**0095**	Đỗ Xuân Toàn	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	43	20	17		Đạt	
96	Hà Nội	**0096**	Cấn Linh Trang	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	40	28	17		Đạt	
97	Hà Nội	**0097**	Nông Thu Trang	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	53	21	20		Đạt	
98	Hà Nội	**0098**	Nguyễn Việt Dũng	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	50	25	23		Đạt	
99	Hà Nội	**0099**	Nguyễn Hoàng Long	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	53	27	22		Đạt	
100	Hà Nội	**0100**	Ngô Thị Khánh Ly	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
101	Hà Nội	**0101**	Nguyễn Văn Thành	Nam	1994	Chi cục THADS huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	37	10	11		Không đạt	
102	Hà Nội	**0102**	Nguyễn Hoàng Thắng	Nam	1988	Chi cục THADS huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	45	26	22		Đạt	
103	Hà Nội	**0103**	Bùi Thị Ngọc Anh	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
104	Hà Nội	**0104**	Nguyễn Hải Anh	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	34	19	23		Đạt	
105	Hà Nội	**0105**	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
106	Hà Nội	**0106**	Tạ Hoàng Hiệp	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	51	29	20		Đạt	
107	Hà Nội	**0107**	Ngô Thị Hồng	Nữ	1981	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	39	18	Miễn thi		Đạt	
108	Hà Nội	**0108**	Phạm Thị Thu Huyền	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	39	24	23		Đạt	
109	Hà Nội	**0109**	Lê Thị Ngọc	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	40	12	16		Không đạt	
110	Hà Nội	**0110**	Hoàng Lan Phương	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	39	29	17		Đạt	
111	Hà Nội	**0111**	Ngô Thị Phượng	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
112	Hà Nội	**0112**	Nguyễn Thanh Qúy	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	47	25	18		Đạt	
113	Hà Nội	**0113**	Phạm Hồng Quân	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	49	15	23		Đạt	
114	Hà Nội	**0114**	Trần Ngọc Sơn	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	42	18	22		Đạt	
115	Hà Nội	**0115**	Hà Trí Thành	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	45	20	23		Đạt	
116	Hà Nội	**0116**	Nguyễn Văn Thành	Nam	1992	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	46	18	19		Đạt	
117	Hà Nội	**0117**	Nguyễn Lê Thịnh	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
118	Hà Nội	**0118**	Phó Thị Thu Thủy	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	54	27	21		Đạt	
119	Hà Nội	**0119**	Dương Thị Hạnh Trâm	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	43	15	16		Đạt	
120	Hà Nội	**0120**	Hoàng Thúy An	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	49	22	23		Đạt	
121	Hà Nội	**0121**	Phạm Việt Anh	Nam	1994	Chi cục THADS huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	48	26	Miễn thi		Đạt	
122	Hà Nội	**0122**	Trần Thế Hiếu	Nam	1989	Chi cục THADS huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	48	26	23		Đạt	
123	Hà Nội	**0123**	Lưu Khánh Huyền	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	36	28	15		Đạt	
124	Hà Nội	**0124**	Đàm Thăng Long	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	47	24	23		Đạt	
125	Hà Nội	**0125**	Chử Minh Toàn	Nam	1986	Chi cục THADS huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
126	Hà Nội	**0126**	Đinh Quang Trung	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
127	Hà Nội	**0127**	Kiều Thị Thùy Linh	Nữ	1991	Chi cục THADS huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	35	13	21		Không đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
128	Hà Nội	**0128**	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
129	Hà Nội	**0129**	Lê Duy Phương	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	51	24	18		Đạt	
130	Hà Nội	**0130**	Hồ Thị Thu Quỳnh	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
131	Hà Nội	**0131**	Nguyễn Thị Huệ Chi	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
132	Hà Nội	**0132**	Đỗ Công Đạo	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	48	26	22		Đạt	
133	Hà Nội	**0133**	Trần Minh Hiếu	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
134	Hà Nội	**0134**	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	1993	Chi cục THADS huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	43	16	20		Đạt	
135	Hà Nội	**0135**	Nguyễn Thị Lý	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	54	28	23		Đạt	
136	Hà Nội	**0136**	Trương Thị Vui	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
137	Hà Nội	**0137**	Hoàng Thị An	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	49	24	Miễn thi		Đạt	
138	Hà Nội	**0138**	Nguyễn Kim Anh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	44	24	24		Đạt	
139	Hà Nội	**0139**	Đỗ Thị Dung	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	54	25	27		Đạt	
140	Hà Nội	**0140**	Đàm Thành Đạt	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	49	26	22		Đạt	
141	Hà Nội	**0141**	Nguyễn Minh Hà	Nữ	1986	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	46	24	19		Đạt	
142	Hà Nội	**0142**	Nguyễn Thị Hà	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
143	Hà Nội	**0143**	Ngô Thị Thu Hương	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
144	Hà Nội	**0144**	Trần Quốc Khánh	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	50	15	21		Đạt	
145	Hà Nội	**0145**	Nguyễn Hương Lan	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
146	Hà Nội	**0146**	Trần Thị Phương Liên	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	49	26	24		Đạt	
147	Hà Nội	**0147**	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
148	Hà Nội	**0148**	Tạ Thu Phương	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	41	26	17		Đạt	
149	Hà Nội	**0149**	Lê Thị Thanh Trà	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	50	16	24		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
150	Hà Nội	**0150**	Cù Thu Trang	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
151	Hà Nội	**0151**	Bùi Thị Hồng Hạnh	Nữ	1988	Chi cục THADS huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	51	22	23		Đạt	
152	Hà Nội	**0152**	Vũ Thái Sơn	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	48	22	25		Đạt	
153	Hà Nội	**0153**	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	48	18	15		Đạt	
154	Hà Nội	**0154**	Ngô Đức Thịnh	Nam	1989	Chi cục THADS huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	36	17	15		Đạt	
155	Hà Nội	**0155**	Nguyễn Chí Cương	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	59	25	21		Đạt	
156	Hà Nội	**0156**	Lê Thanh Duy	Nam	1994	Chi cục THADS huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	53	25	23		Đạt	
157	Hà Nội	**0157**	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
158	Hà Nội	**0158**	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	41	24	22		Đạt	
159	Hà Nội	**0159**	Phan Thanh Tùng	Nam	1986	Chi cục THADS huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	43	17	23		Đạt	
160	Hà Nội	**0160**	Phạm Thị Thu Thủy	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	47	26	21		Đạt	
161	Hà Nội	**0161**	Lương Thị Thúy	Nữ	1992	Chi cục THADS huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
162	Hà Nội	**0162**	Đào Thị Linh Chi	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Thường Tín, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	44	25	22		Đạt	
163	Hà Nội	**0163**	Trương Văn Long	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Thường Tín, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	45	21	19		Đạt	
164	Hà Nội	**0164**	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Thường Tín, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	49	23	22		Đạt	
165	Hà Nội	**0165**	Trần Thị Hải Yến	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Thường Tín, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	50	30	22		Đạt	
166	Hà Nội	**0166**	Đinh Thị Ngọc Ánh	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
167	Hà Nội	**0167**	Nguyễn Tài Linh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	53	27	25		Đạt	
168	Hà Nội	**0168**	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	1977	Chi cục THADS huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	42	25	20		Đạt	
169	Hà Nội	**0169**	Đặng Thị Quỳnh Anh	Nữ	1997	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	44	25	17		Đạt	
170	Hà Nội	**0170**	Phạm Tuấn Anh	Nam	1991	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
171	Hà Nội	**0171**	Vũ Thị Ngọc Diệp	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	44	21	24		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
172	Hà Nội	0172	Vũ Hải Hà	Nữ	1993	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
173	Hà Nội	0173	Vũ Thu Hiền	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
174	Hà Nội	0174	Vũ Ngọc Huyền	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
175	Hà Nội	0175	Trần Hữu Hưng	Nam	1999	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
176	Hà Nội	0176	Lê Thị Tư Hương	Nữ	1998	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	48	24	21		Đạt	
177	Hà Nội	0177	Nguyễn Thị Hường	Nữ	1995	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
178	Hà Nội	0178	Lê Diệu Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	55	29	25		Đạt	
179	Hà Nội	0179	Đặng Ngọc Ly	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	31	21	15		Đạt	
180	Hà Nội	0180	Trần Kim Ngân	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	49	27	19		Đạt	
181	Hà Nội	0181	Phan Lê Minh Phương	Nữ	1997	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
182	Hà Nội	0182	Bùi Thị Thảo	Nữ	1995	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	42	27	24		Đạt	
183	Hà Nội	0183	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	1996	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	43	27	22		Đạt	
184	Hà Nội	0184	Phan Thị Thu Thủy	Nữ	1995	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	53	26	20		Đạt	
185	Hà Nội	0185	Nguyễn Thị Thương	Nữ	1995	Chi cục THADS quận Đống Đa, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	34	21	20		Đạt	
186	Hà Nội	0186	Vũ Thị Mai Anh	Nữ	1993	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
187	Hà Nội	0187	Phan Kim Chi	Nữ	1997	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
188	Hà Nội	0188	Nguyễn Quang Đạo	Nam	1996	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
189	Hà Nội	0189	Phạm Thị Thanh Hải	Nữ	1997	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	42	18	22		Đạt	
190	Hà Nội	0190	Bế Minh Hạnh	Nữ	1997	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
191	Hà Nội	0191	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	1998	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
192	Hà Nội	0192	Hồ Minh Hiếu	Nam	1996	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
193	Hà Nội	0193	Đặng Thị Lan Hương	Nữ	1996	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	47	16	18		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
194	Hà Nội	**0194**	Đỗ Thanh Hương	Nữ	1997	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
195	Hà Nội	**0195**	Phạm Ngọc Linh	Nữ	1996	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
196	Hà Nội	**0196**	Phùng Thành Nam	Nam	1998	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	45	21	20		Đạt	
197	Hà Nội	**0197**	Nguyễn Như Phú	Nam	1984	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	46	27	Miễn thi		Đạt	
198	Hà Nội	**0198**	Ngô Lương Quyên	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
199	Hà Nội	**0199**	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	1998	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	53	26	21		Đạt	
200	Hà Nội	**0200**	Phan Thu Thảo	Nữ	1998	Chi cục THADS quận Hà Đông, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	56	26	27		Đạt	
201	Hà Nội	**0201**	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	1987	Chi cục THADS quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	46	22	21		Đạt	
202	Hà Nội	**0202**	Đàm Ngọc Huyền	Nữ	1996	Chi cục THADS quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	47	16	16		Đạt	
203	Hà Nội	**0203**	Hoàng Mỹ Linh	Nữ	1996	Chi cục THADS quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	43	27	21		Đạt	
204	Hà Nội	**0204**	Nguyễn Lê Hà Nhi	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	45	27	20		Đạt	
205	Hà Nội	**0205**	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	1998	Chi cục THADS quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	39	Miễn thi	25		Đạt	
206	Hà Nội	**0206**	Phạm Việt Trinh	Nữ	1997	Chi cục THADS quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	52	23	22		Đạt	
207	Hà Nội	**0207**	Mai Đức Anh	Nam	1998	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	49	27	25		Đạt	
208	Hà Nội	**0208**	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	1997	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	52	24	27		Đạt	
209	Hà Nội	**0209**	Trần Thị Hoa	Nữ	1988	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
210	Hà Nội	**0210**	Hoàng Đức Huy	Nam	1999	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	49	27	23		Đạt	
211	Hà Nội	**0211**	Tống Nhật Huy	Nam	1996	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	50	25	22		Đạt	
212	Hà Nội	**0212**	Phan Thị Nhài	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	42	26	22		Đạt	
213	Hà Nội	**0213**	Chu Việt Phương	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	51	26	23		Đạt	
214	Hà Nội	**0214**	Đặng Minh Tuấn	Nam	1997	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
215	Hà Nội	**0215**	Dương Thị Thanh Xuân	Nam	1994	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	46	29	22		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
216	Hà Nội	**0216**	Vũ Thị Hải Yến	Nữ	1994	Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Chuyên viên tổ chức THA	46	24	25		Đạt	
217	Hà Tĩnh	**0217**	Trần Quang Anh	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA	57	25	21		Đạt	
218	Hà Tĩnh	**0218**	Phan Thị Thùy Dung	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
219	Hà Tĩnh	**0219**	Nguyễn Thị Khuyên	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA	42	13	21		Không đạt	
220	Hà Tĩnh	**0220**	Nguyễn Khắc Lân	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA	54	20	22		Đạt	
221	Hà Tĩnh	**0221**	Vũ Minh Thắng	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA	26	10	20		Không đạt	
222	Hà Tĩnh	**0222**	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA	48	24	22		Đạt	
223	Hà Tĩnh	**0223**	Trương Thị Hoài	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA	45	24	16		Đạt	
224	Hà Tĩnh	**0224**	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA	56	29	28		Đạt	
225	Hà Tĩnh	**0225**	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA	49	15	24		Đạt	
226	Hà Tĩnh	**0226**	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
227	Hà Tĩnh	**0227**	Hoàng Anh Ngọc	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
228	Hà Tĩnh	**0228**	Nguyễn Thị Hạnh Như	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
229	Hà Tĩnh	**0229**	Bùi Thị Thanh Tú	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
230	Hà Tĩnh	**0230**	Phạm Tấn Thành	Nam	1991	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
231	Hà Tĩnh	**0231**	Phạm Thị Thu Trà	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
232	Hải Phòng	**0232**	Trần Minh Anh	Nữ	1999	Cục THADS thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	51	28	20		Đạt	
233	Hải Phòng	**0233**	Chu Thị Bích	Nữ	1994	Cục THADS thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
234	Hải Phòng	**0234**	Nguyễn Thị Hà Giang	Nữ	1997	Cục THADS thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
235	Hải Phòng	**0235**	Nguyễn Thị Diệu Ngọc	Nữ	1997	Cục THADS thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
236	Hải Phòng	**0236**	Đào Thị Liên	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
237	Hải Phòng	**0237**	Hoàng Thị Liên	Nữ	1989	Chi cục THADS huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	36	10	15		Không đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
238	Hải Phòng	**0238**	Đỗ Diệu Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	51	28	29		Đạt	
239	Hải Phòng	**0239**	Trần Minh Thư	Nữ	1991	Chi cục THADS huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	45	23	18		Đạt	
240	Hải Phòng	**0240**	Nguyễn Viết Tuấn Anh	Nam	1999	Chi cục THADS quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
241	Hải Phòng	**0241**	Đào Thị Thanh Bình	Nữ	1984	Chi cục THADS quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	45	24	20		Đạt	
242	Hải Phòng	**0242**	Phạm Tiến Đạt	Nam	1999	Chi cục THADS quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	38	15	20		Đạt	
243	Hải Phòng	**0243**	Vũ Vân Chi	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	32	27	18		Đạt	
244	Hải Phòng	**0244**	Hoàng Thị Hằng	Nữ	1995	Chi cục THADS quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	48	23	18		Đạt	
245	Hải Phòng	**0245**	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	1985	Chi cục THADS quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	45	19	17		Đạt	
246	Hải Phòng	**0246**	Trần Thị Trang	Nữ	1989	Chi cục THADS quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
247	Hải Phòng	**0247**	Nguyễn Thị Phương Vi	Nữ	1998	Chi cục THADS quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	41	27	20		Đạt	
248	Hải Phòng	**0248**	Vũ Thị Hải Yến	Nữ	1991	Chi cục THADS quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	39	22	15		Đạt	
249	Hải Phòng	**0249**	Nguyễn Trường An	Nam	1997	Chi cục THADS quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	50	26	24		Đạt	
250	Hải Phòng	**0250**	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	1998	Chi cục THADS quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
251	Hải Phòng	**0251**	Vũ Thị Thúy Quỳnh	Nữ	1997	Chi cục THADS quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
252	Hải Phòng	**0252**	Nguyễn Thảo Vân	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	50	30	19		Đạt	
253	Hải Phòng	**0253**	Nguyễn Công Anh Quốc	Nam	1999	Chi cục THADS quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	48	27	25		Đạt	
254	Hải Phòng	**0254**	Phạm Phương Thanh	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
255	Hải Phòng	**0255**	Chử Phương Thảo	Nữ	1999	Chi cục THADS quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Chuyên viên tổ chức THA	52	25	22		Đạt	
256	Hưng Yên	**0256**	Nguyễn Phương Anh	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	42	29	22		Đạt	
257	Hưng Yên	**0257**	Vũ Thị Hồng	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	51	26	19		Đạt	
258	Hưng Yên	**0258**	Nguyễn Thị Huế	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	47	22	20		Đạt	
259	Hưng Yên	**0259**	Lê Thu Lam	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	46	21	23		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
260	Hưng Yên	0260	Đào Đức Long	Nam	1998	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	51	20	24		Đạt	
261	Hưng Yên	0261	Trần Văn Ninh	Nam	1993	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	32	7	8		Không đạt	
262	Hưng Yên	0262	Lê Thị Hồng Ngát	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	53	26	22		Đạt	
263	Hưng Yên	0263	Vương Thị Lâm Oanh	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
264	Hưng Yên	0264	Tô Xuân Phương	Nam	1996	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	37	15	20		Đạt	
265	Hưng Yên	0265	Lã Thị Tâm	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	41	22	24		Đạt	
266	Hưng Yên	0266	Lâm Bích Thảo	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
267	Hưng Yên	0267	Dương Ngân Hà	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Chuyên viên tổ chức THA	41	24	22		Đạt	
268	Lai Châu	0268	Lò Văn Đông	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
269	Lai Châu	0269	Sùng A Hạng	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	52	Miễn thi	19		Đạt	
270	Lai Châu	0270	Vàng Anh Lý	Nam	1993	Chi cục THADS huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	42	Miễn thi	15		Đạt	
271	Lai Châu	0271	Tần Phồng Mầy	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	42	Miễn thi	21		Đạt	
272	Lai Châu	0272	Vàng A Mú	Nam	1994	Chi cục THADS huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
273	Lai Châu	0273	Lò Thị Thanh Phương	Nữ	1992	Chi cục THADS huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	43	Miễn thi	17		Đạt	
274	Lai Châu	0274	Phạm Hoàng Anh	Nam	1999	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
275	Lai Châu	0275	Nguyễn Việt Cường	Nam	1996	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	39	19	19		Đạt	
276	Lai Châu	0276	Bùi Thị Hạnh	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	54	Miễn thi	23		Đạt	
277	Lai Châu	0277	Trần Đặng Việt Hoàng	Nam	1997	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	48	20	17		Đạt	
278	Lai Châu	0278	Nguyễn Duy Hùng	Nam	1982	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
279	Lai Châu	0279	Vũ Thị Mỹ Linh	Nữ	1994	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	38	15	10		Không đạt	
280	Lai Châu	0280	Hoàng Trần Anh Minh	Nam	1997	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	50	27	21		Đạt	
281	Lai Châu	0281	Nguyễn Thúy Nga	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
282	Lai Châu	**0282**	Vũ Thủy Tiên	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
283	Lai Châu	**0283**	Lò Thị Toán	Nữ	1995	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
284	Lai Châu	**0284**	Vàng Thanh	Nam	1998	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	49	Miễn thi	24		Đạt	
285	Lai Châu	**0285**	Lò Văn Thiếu	Nam	1997	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	40	Miễn thi	15		Đạt	
286	Lai Châu	**0286**	Bùi Quỳnh Trang	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
287	Lai Châu	**0287**	Trần Huyền Trang	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
288	Lai Châu	**0288**	Đỗ Minh Vũ	Nam	1997	Cục THADS tỉnh Lai Châu	Chuyên viên tổ chức THA	32	10	17		Không đạt	
289	Lạng Sơn	**0289**	Đinh Thị Lan Anh	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
290	Lạng Sơn	**0290**	Bùi Thị Diễm	Nữ	1995	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
291	Lạng Sơn	**0291**	La Nông Dương	Nam	1994	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	44	Miễn thi	19		Đạt	
292	Lạng Sơn	**0292**	Vi Văn Dưỡng	Nam	1996	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
293	Lạng Sơn	**0293**	Nguyễn Trường Giang	Nam	1999	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	43	Miễn thi	18		Đạt	
294	Lạng Sơn	**0294**	Trịnh Trần Ngọc Hiệp	Nam	1996	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	39	Miễn thi	15		Đạt	
295	Lạng Sơn	**0295**	Đinh Việt Hoàng	Nam	1997	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	46	27	25		Đạt	
296	Lạng Sơn	**0296**	Vi Tuấn Hoàng	Nam	1998	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	45	Miễn thi	19		Đạt	
297	Lạng Sơn	**0297**	Hà Thu Hồng	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	46	Miễn thi	18		Đạt	
298	Lạng Sơn	**0298**	Đỗ Thu Hương	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	46	Miễn thi	21		Đạt	
299	Lạng Sơn	**0299**	Nông Thị Hương	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	51	Miễn thi	20		Đạt	
300	Lạng Sơn	**0300**	Hoàng Thị Kiều	Nữ	1995	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
301	Lạng Sơn	**0301**	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	45	29	22		Đạt	
302	Lạng Sơn	**0302**	Hoàng Thùy Linh	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	47	Miễn thi	23		Đạt	
303	Lạng Sơn	**0303**	Ngô Khánh Linh	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	48	25	15		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
304	Lạng Sơn	0304	Bùi Thị Khánh Ly	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	51	Miễn thi	22		Đạt	
305	Lạng Sơn	0305	Chu Diệu Ly	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	47	Miễn thi	26		Đạt	
306	Lạng Sơn	0306	Trần Tùng Minh	Nam	1998	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	47	Miễn thi	19		Đạt	
307	Lạng Sơn	0307	Vi Thị Oanh	Nữ	1994	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	43	Miễn thi	17		Đạt	
308	Lạng Sơn	0308	Hứa Thị Hiếu Phi	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	53	Miễn thi	20		Đạt	
309	Lạng Sơn	0309	Vi Yên Phú	Nam	1994	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	42	Miễn thi	15		Đạt	
310	Lạng Sơn	0310	Ma Thị Phương	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	53	Miễn thi	25		Đạt	
311	Lạng Sơn	0311	Phạm Hoàng Minh Quân	Nam	1996	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	54	Miễn thi	24		Đạt	
312	Lạng Sơn	0312	Nguyễn Thu Quỳnh	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
313	Lạng Sơn	0313	Chu Thị Tư	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	53	Miễn thi	27		Đạt	
314	Lạng Sơn	0314	Vy Thị Hồng Thảo	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	53	Miễn thi	22		Đạt	
315	Lạng Sơn	0315	Hoàng Thu Trang	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
316	Lạng Sơn	0316	Lê Thị Quỳnh Trang	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	51	Miễn thi	15		Đạt	
317	Lạng Sơn	0317	Nông Phương Trang	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	42	Miễn thi	18		Đạt	
318	Lạng Sơn	0318	Nông Thị Thùy Trang	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
319	Lạng Sơn	0319	Nguyễn Thị Hà Anh	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	50	Miễn thi	20		Đạt	
320	Lạng Sơn	0320	Hứa Thị Ngọc Bích	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	52	Miễn thi	24		Đạt	
321	Lạng Sơn	0321	Hoàng Minh Đức	Nam	1993	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	46	Miễn thi	24		Đạt	
322	Lạng Sơn	0322	Đàm Thị Thu Hiền	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	60	Miễn thi	27		Đạt	
323	Lạng Sơn	0323	Hoàng Thị Hoàn	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	45	Miễn thi	17		Đạt	
324	Lạng Sơn	0324	Dương Thùy Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	47	Miễn thi	22		Đạt	
325	Lạng Sơn	0325	Phùng Thị Thanh Nhớ	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	47	Miễn thi	24		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
326	Lạng Sơn	**0326**	Hoàng Thị Soan	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	49	Miễn thi	21		Đạt	
327	Lạng Sơn	**0327**	Đào Thu Thảo	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	43	19	22		Đạt	
328	Lạng Sơn	**0328**	Hoàng Minh Thùy	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	53	Miễn thi	22		Đạt	
329	Lạng Sơn	**0329**	Hoàng Thị Uyên	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	49	Miễn thi	23		Đạt	
330	Lạng Sơn	**0330**	Trần Tiến Việt Anh	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	39	Miễn thi	19		Đạt	
331	Lạng Sơn	**0331**	Tô Tiểu Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
332	Lạng Sơn	**0332**	Hứa Hà My	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	42	Miễn thi	21		Đạt	
333	Lạng Sơn	**0333**	Hoàng Thuý Nương	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	48	Miễn thi	16		Đạt	
334	Lạng Sơn	**0334**	Nông Hồng Nhung	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	57	Miễn thi	25		Đạt	
335	Lạng Sơn	**0335**	Liễu Ngọc Quân	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	37	Miễn thi	23		Đạt	
336	Lạng Sơn	**0336**	Đặng Văn Sơn	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
337	Lạng Sơn	**0337**	Dương Thị Thùy Thanh	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
338	Lạng Sơn	**0338**	Vi Thu Thảo	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	50	Miễn thi	22		Đạt	
339	Lạng Sơn	**0339**	Nguyễn Thị Thu Chuyên	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	53	Miễn thi	20		Đạt	
340	Lạng Sơn	**0340**	Nguyễn Anh Duy	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	49	Miễn thi	20		Đạt	
341	Lạng Sơn	**0341**	Hà Thanh Huế	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	51	Miễn thi	26		Đạt	
342	Lạng Sơn	**0342**	Trương Thị Huế	Nữ	1993	Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
343	Lạng Sơn	**0343**	Nguyễn Thu Ngọc	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	54	Miễn thi	28		Đạt	
344	Lạng Sơn	**0344**	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	46	20	16		Đạt	
345	Lạng Sơn	**0345**	Vy Thùy Tiên	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
346	Lạng Sơn	**0346**	Vi Hồng Vân	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
347	Lạng Sơn	**0347**	Chu Bích Hồng	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	41	Miễn thi	17		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
348	Lạng Sơn	**0348**	Vi Thị Vân Khánh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	53	Miễn thi	25		Đạt	
349	Lạng Sơn	**0349**	Vy Thị Minh Tâm	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
350	Lạng Sơn	**0350**	Hoàng Bảo Thượng	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
351	Lạng Sơn	**0351**	Phạm Ngọc Trâm	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	49	Miễn thi	19		Đạt	
352	Lạng Sơn	**0352**	Hoàng Ngọc Anh	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	39	Miễn thi	19		Đạt	
353	Lạng Sơn	**0353**	Đàm Thị Ngọc Ánh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
354	Lạng Sơn	**0354**	Nguyễn Minh Đức	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	48	21	15		Đạt	
355	Lạng Sơn	**0355**	Lý Tú Linh	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	46	Miễn thi	25		Đạt	
356	Lạng Sơn	**0356**	Ngô Thị Khánh Linh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
357	Lạng Sơn	**0357**	Nguyễn Hoài Nam	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	42	19	25		Đạt	
358	Lạng Sơn	**0358**	Hoàng Thị Thu Phương	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
359	Lạng Sơn	**0359**	Hoàng Thu Phương	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	44	20	21		Đạt	
360	Lạng Sơn	**0360**	Lý Văn Siết	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi	21		Không đạt	Không dự thi
361	Lạng Sơn	**0361**	Chu Thanh Tâm	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	45	Miễn thi	21		Đạt	
362	Lạng Sơn	**0362**	Nguyễn Trọng Tuân	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	40	Miễn thi	17		Đạt	
363	Lạng Sơn	**0363**	Trương Văn Tùng	Nam	1989	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA			Miễn thi		Không đạt	Không dự thi
364	Lạng Sơn	**0364**	Trịnh Thanh Thanh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	40	Miễn thi	11		Không đạt	
365	Lạng Sơn	**0365**	Vũ Phương Thảo	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	39	Miễn thi			Không đạt	
366	Lạng Sơn	**0366**	Hà Thị Thuỷ	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	50	Miễn thi	29		Đạt	
367	Lạng Sơn	**0367**	Lô Thị Thuý	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
368	Lạng Sơn	**0368**	Hoàng Văn Trọng	Nam	1994	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	51	Miễn thi	23		Đạt	
369	Lạng Sơn	**0369**	Lý Thị Chiều	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	45	Miễn thi	21		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
370	Lạng Sơn	0370	Nông Thị Hằng	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	39	Miễn thi	16		Đạt	
371	Lạng Sơn	0371	Âu Thị Hoa	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
372	Lạng Sơn	0372	Lục Thị Thu Hoài	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
373	Lạng Sơn	0373	Hoàng Thị Lan Kim	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	47	Miễn thi	21		Đạt	
374	Lạng Sơn	0374	Lành Thị Mai	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
375	Lạng Sơn	0375	Nguyễn Vũ Minh Phương	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	52	21	22		Đạt	
376	Lạng Sơn	0376	Đặng Đức Trọng	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
377	Lạng Sơn	0377	Chu Thị Bích	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	46	Miễn thi	27		Đạt	
378	Lạng Sơn	0378	Phan Thị Kim Dung	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
379	Lạng Sơn	0379	Hoàng Văn Đại	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	54	Miễn thi	21		Đạt	
380	Lạng Sơn	0380	Hoàng Thị Hảo	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
381	Lạng Sơn	0381	Nông Minh Huyền	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	55	Miễn thi	25		Đạt	
382	Lạng Sơn	0382	Phạm Triệu Hưng	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	36	Miễn thi	22		Đạt	
383	Lạng Sơn	0383	Nguyễn Thị Khuyên	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	49	Miễn thi	24		Đạt	
384	Lạng Sơn	0384	Nguyễn Nhật Lệ	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	50	Miễn thi	21		Đạt	
385	Lạng Sơn	0385	Giang Kiều Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	56	Miễn thi	26		Đạt	
386	Lạng Sơn	0386	Nông Thanh Phong	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
387	Lạng Sơn	0387	Hoàng Doãn Toại	Nam	1985	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	36	Miễn thi	16		Đạt	
388	Lạng Sơn	0388	Nông Thanh Tùng	Nam	1991	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi	Miễn thi		Không đạt	Không dự thi
389	Lạng Sơn	0389	Trương Lý Trang	Nữ	1993	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	51	Miễn thi	16		Đạt	
390	Lạng Sơn	0390	Hoàng Thị Huyền Trân	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	41	Miễn thi	18		Đạt	
391	Lạng Sơn	0391	Hoàng Thị Vân	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
392	Lạng Sơn	**0392**	Vi Thị Đoàn	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
393	Lạng Sơn	**0393**	Đỗ Thị Hoa	Nữ	1993	Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
394	Lạng Sơn	**0394**	Triệu Văn Huy	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	49	Miễn thi	18		Đạt	
395	Lạng Sơn	**0395**	Hà Thị Lan Hương	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	43	Miễn thi	23		Đạt	
396	Lạng Sơn	**0396**	Dương Thị My Nương	Nữ	1981	Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	36	Miễn thi	Miễn thi		Đạt	
397	Lạng Sơn	**0397**	Hoàng Thị Hồng Ngọc	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
398	Lạng Sơn	**0398**	Dương Diệu Oanh	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	44	Miễn thi	22		Đạt	
399	Lạng Sơn	**0399**	Phan Nhật Trường	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	44	Miễn thi	23		Đạt	
400	Lạng Sơn	**0400**	Đinh Thị Quỳnh Anh	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	56	Miễn thi	25		Đạt	
401	Lạng Sơn	**0401**	Hoàng Thị Kim Anh	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	41	Miễn thi	22		Đạt	
402	Lạng Sơn	**0402**	Lê Huy Anh	Nam	1999	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
403	Lạng Sơn	**0403**	Lê Thị Minh Anh	Nữ	1999	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	53	Miễn thi	23		Đạt	
404	Lạng Sơn	**0404**	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
405	Lạng Sơn	**0405**	Ngụy Hải Cương	Nam	1997	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	46	Miễn thi	22		Đạt	
406	Lạng Sơn	**0406**	Nguyễn Văn Hậu	Nam	1997	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	40	25	23		Đạt	
407	Lạng Sơn	**0407**	Nông Thị Hoài	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	44	Miễn thi	22		Đạt	
408	Lạng Sơn	**0408**	Hoàng Thị Huyền	Nữ	1997	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	50	Miễn thi	21		Đạt	
409	Lạng Sơn	**0409**	Đinh Thu Hường	Nữ	1999	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
410	Lạng Sơn	**0410**	Nông Thị Mỹ Lan	Nữ	1997	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
411	Lạng Sơn	**0411**	Bế Nguyễn Diệu Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	46	Miễn thi	20		Đạt	
412	Lạng Sơn	**0412**	Nguyễn Phương Mai	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	44	Miễn thi	16		Đạt	
413	Lạng Sơn	**0413**	Phạm Diễm My	Nữ	1995	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
414	Lạng Sơn	**0414**	Cù Minh Ngọc	Nữ	1994	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
415	Lạng Sơn	**0415**	Ngô Hồng Nhung	Nữ	1996	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	53	27	29		Đạt	
416	Lạng Sơn	**0416**	Hoàng Nguyễn Anh Tú	Nam	1995	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	51	Miễn thi	19		Đạt	
417	Lạng Sơn	**0417**	Lương Anh Tuấn	Nam	1997	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
418	Lạng Sơn	**0418**	Ngô Thị Tuyền	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA	43	Miễn thi	21		Đạt	
419	Lạng Sơn	**0419**	Ngô Ngọc Trâm	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
420	Lạng Sơn	**0420**	Lưu Thị Trưng	Nữ	1997	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
421	Nam Định	**0421**	Đỗ Tuấn Anh	Nam	1998	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	41	25	23		Đạt	
422	Nam Định	**0422**	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	1998	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	39	29	24		Đạt	
423	Nam Định	**0423**	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	1992	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
424	Nam Định	**0424**	Trịnh Thu Hiền	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
425	Nam Định	**0425**	Nguyễn Thị Hường	Nữ	1989	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	43	18	17		Đạt	
426	Nam Định	**0426**	Trần Huy Khánh	Nam	1997	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	47	29	27		Đạt	
427	Nam Định	**0427**	Quyền Thị Thúy Nga	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	55	27	19		Đạt	
428	Nam Định	**0428**	Hoàng Văn Nhất	Nam	1996	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	47	11	23		Không đạt	
429	Nam Định	**0429**	Trần Minh Quang	Nam	1999	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
430	Nam Định	**0430**	Trần Nguyễn Minh Tiến	Nam	1998	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	51	15	19		Đạt	
431	Nam Định	**0431**	Hứa Sỹ Thành	Nam	1996	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	46	15	12		Không đạt	
432	Nam Định	**0432**	Bùi Thị Phương Thảo	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
433	Nam Định	**0433**	Vũ Thị Thảo Trang	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
434	Nam Định	**0434**	Nguyễn Quốc Trung	Nam	1996	Cục THADS tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
435	Nam Định	**0435**	Vũ Thị Hứa	Nữ	1988	Chi cục THADS huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	53	19	22		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
436	Nam Định	**0436**	Mai Ngọc Thỏa	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	45	19	17		Đạt	
437	Nam Định	**0437**	Nguyễn Qúy Cảnh	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
438	Nam Định	**0438**	Đoàn Minh Hoàng	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
439	Nam Định	**0439**	Nguyễn Hữu Tiệp	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	51	21	24		Đạt	
440	Nam Định	**0440**	Phạm Thị Trang	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	48	23	21		Đạt	
441	Nam Định	**0441**	Lê Văn Tú	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	42	12	11		Không đạt	
442	Nam Định	**0442**	Trịnh Thị Kim Anh	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	44	22	15		Đạt	
443	Nam Định	**0443**	Phạm Thị Mỹ Linh	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	53	23	23		Đạt	
444	Nam Định	**0444**	Bùi Thị Minh Trang	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
445	Nam Định	**0445**	Bùi Hồng Vân	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	42	18	15		Đạt	
446	Nam Định	**0446**	Đới Thị Vân	Nữ	1991	Chi cục THADS huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Chuyên viên tổ chức THA	44	13	Miễn thi		Không đạt	
447	Nghệ An	**0447**	Trần Thị Thuỳ Dung	Nữ	1992	Chi cục THADS huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	38	15	17		Đạt	
448	Nghệ An	**0448**	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
449	Nghệ An	**0449**	Lầu Bá Công	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	40	Miễn thi	13		Không đạt	
450	Nghệ An	**0450**	Phạm Thị Thanh Hằng	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
451	Nghệ An	**0451**	Xồng Bá Khùa	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	41	Miễn thi	18		Đạt	
452	Nghệ An	**0452**	Nguyễn Thị Hoài Linh	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
453	Nghệ An	**0453**	Đặng Thị Luyến	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	39	16	15		Đạt	
454	Nghệ An	**0454**	Phạm Quang Thái	Nam	1994	Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	42	18	16		Đạt	
455	Nghệ An	**0455**	Cao Thị Diệu	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	49	22	19		Đạt	
456	Nghệ An	**0456**	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
457	Nghệ An	**0457**	Trần Thị Oanh	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
458	Nghệ An	**0458**	Phạm Thị Thanh Thuý	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	47	23	20		Đạt	
459	Nghệ An	**0459**	Nguyễn Ánh	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	42	15	15		Đạt	
460	Nghệ An	**0460**	Vi Văn Nguyên	Nam	1993	Chi cục THADS huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	52	Miễn thi	21		Đạt	
461	Nghệ An	**0461**	Lương Thị Tú Anh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
462	Nghệ An	**0462**	Nguyễn Thị Thu Hạnh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	51	29	26		Đạt	
463	Nghệ An	**0463**	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	1993	Chi cục THADS huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
464	Nghệ An	**0464**	Đào Nhật Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
465	Nghệ An	**0465**	Phạm Thị Nga	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	50	27	21		Đạt	
466	Nghệ An	**0466**	Nguyễn Thị Thu	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	50	22	24		Đạt	
467	Nghệ An	**0467**	Trần Thị Huyền Trâm	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	41	27	23		Đạt	
468	Nghệ An	**0468**	Hà Thị Hải Yến	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	58	25	26		Đạt	
469	Nghệ An	**0469**	Nguyễn Thị Dung	Nữ	1994	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	46	21	28		Đạt	
470	Nghệ An	**0470**	Trương Văn Hồ	Nam	1994	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	43	11	15		Không đạt	
471	Nghệ An	**0471**	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1999	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	53	25	21		Đạt	
472	Nghệ An	**0472**	Nguyễn Thị Minh Huyền	Nữ	1997	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	35	7	16		Không đạt	
473	Nghệ An	**0473**	Lê Thị Khánh Ly	Nữ	1999	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
474	Nghệ An	**0474**	Vũ Như Quỳnh	Nữ	1999	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	34	19	15		Đạt	
475	Nghệ An	**0475**	Trần Thị Thuỷ Tiên	Nữ	1995	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	38	22	15		Đạt	
476	Nghệ An	**0476**	Hoàng Thị Tình	Nữ	1999	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
477	Nghệ An	**0477**	Đậu Thị Phương Thảo	Nữ	1998	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	45	19	23		Đạt	
478	Nghệ An	**0478**	Lê Anh Thơm	Nữ	1996	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
479	Nghệ An	**0479**	Hoàng Thị Trang	Nữ	1996	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	48	22	24		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
480	Nghệ An	0480	Mạc Thị Tú Uyên	Nữ	1997	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	49	25	21		Đạt	
481	Nghệ An	0481	Lang Thị Vân	Nữ	1979	Chi cục THADS thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	Chuyên viên tổ chức THA	34	14	23		Không đạt	
482	Phú Thọ	0482	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
483	Phú Thọ	0483	Lê Hữu Hiếu	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA	47	27	24		Đạt	
484	Phú Thọ	0484	Phan Thị Minh Hồng	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
485	Phú Thọ	0485	Đỗ Duy Long	Nam	1993	Chi cục THADS huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
486	Phú Thọ	0486	Đinh Hoàng Cẩm Tú	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA	46	24	24		Đạt	
487	Phú Thọ	0487	Bùi Thị Uyên	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
488	Phú Thọ	0488	Tô Thúy Chi	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA		23	17		Không đạt	
489	Phú Thọ	0489	Lê Thị Lan Hương	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA	49	21	23		Đạt	
490	Phú Thọ	0490	Nguyễn Diệu Hương	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA	59	28	26		Đạt	
491	Phú Thọ	0491	Nguyễn Quốc Việt	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
492	Phú Thọ	0492	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	1986	Chi cục THADS huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
493	Phú Thọ	0493	Đinh Thị Thúy Hường	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
494	Phú Thọ	0494	Hoàng Thị Liên	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA	43	Miễn thi	21		Đạt	
495	Phú Thọ	0495	Nguyễn Đức Tài	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
496	Phú Thọ	0496	Đinh Thị Tiến	Nữ	1989	Chi cục THADS huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA	40	Miễn thi	18		Đạt	
497	Phú Thọ	0497	Bùi Thị Thu Hiền	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ, tỉnh	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
498	Phú Thọ	0498	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
499	Phú Thọ	0499	Khúc Thu Hà	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
500	Phú Thọ	0500	Nguyễn Thị Thu Hòa	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
501	Phú Thọ	0501	Dương Thị Nga	Nữ	1992	Chi cục THADS huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA	47	16	17		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
502	Phú Thọ	**0502**	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA	49	25	17		Đạt	
503	Phú Thọ	**0503**	Phạm Thùy Trang	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chuyên viên tổ chức THA	49	22	19		Đạt	
504	Quảng Bình	**0504**	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
505	Quảng Bình	**0505**	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
506	Quảng Bình	**0506**	Mai Công Đạt	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA	54	27	25		Đạt	
507	Quảng Bình	**0507**	Phan Thị Lan Hương	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
508	Quảng Bình	**0508**	Nguyễn Thị Nhật Lệ	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
509	Quảng Bình	**0509**	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
510	Quảng Bình	**0510**	Trần Thị Tuyết Minh	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
511	Quảng Bình	**0511**	Nguyễn Thị Lê Na	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
512	Quảng Bình	**0512**	Bùi Thị Tuyết Nhung	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
513	Quảng Bình	**0513**	Lâm Phương Thảo	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA	54	24	26		Đạt	
514	Quảng Bình	**0514**	Nguyễn Hữu Trung	Nam	1990	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
515	Quảng Bình	**0515**	Đậu Thị Thanh Vân	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên tổ chức THA	51	25	26		Đạt	
516	Quảng Ninh	**0516**	Bùi Thị Quế Anh	Nữ	1999	Chi cục THADS thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh	Chuyên viên tổ chức THA	48	26	21		Đạt	
517	Quảng Ninh	**0517**	Lê Minh Đạo	Nam	1988	Chi cục THADS thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
518	Quảng Ninh	**0518**	Đồng Minh Hằng	Nữ	1999	Chi cục THADS thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
519	Quảng Ninh	**0519**	Trần Khánh Huyền	Nữ	1999	Chi cục THADS thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh	Chuyên viên tổ chức THA	37	20	23		Đạt	
520	Quảng Ninh	**0520**	Vũ Huyền Mai	Nữ	1997	Chi cục THADS thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
521	Quảng Ninh	**0521**	Hoàng Tùng	Nam	1992	Chi cục THADS thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh	Chuyên viên tổ chức THA	45	19	15		Đạt	
522	Quảng Ninh	**0522**	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	1993	Chi cục THADS thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh	Chuyên viên tổ chức THA	34	14	11		Không đạt	
523	Quảng Trị	**0523**	Lê Thị Hậu	Nữ	1996	Chi cục THADS thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng	Chuyên viên tổ chức THA	51	29	23		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
524	Quảng Trị	0524	Phan Lê Diệu Hiền	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng	Chuyên viên tổ chức THA	45	22	21		Đạt	
525	Quảng Trị	0525	Lê Khánh Linh	Nam	1997	Chi cục THADS thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
526	Quảng Trị	0526	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
527	Quảng Trị	0527	Nguyễn Thị Phước Ngọc	Nữ	1996	Chi cục THADS thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng	Chuyên viên tổ chức THA	47	27	23		Đạt	
528	Quảng Trị	0528	Hồ Thị Kiều Oanh	Nữ	1995	Chi cục THADS thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
529	Quảng Trị	0529	Trần Thị Thanh Thúy	Nữ	1997	Chi cục THADS thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
530	Quảng Trị	0530	Trần Nguyễn Bảo Yến	Nữ	1996	Chi cục THADS thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
531	Sơn La	0531	Phạm Việt Hằng	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
532	Sơn La	0532	Lò Thị Hồng	Nữ	1988	Chi cục THADS huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA	42	Miễn thi	11		Không đạt	
533	Sơn La	0533	Mùa A Nụ	Nam	1989	Chi cục THADS huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA	39	Miễn thi	17		Đạt	
534	Sơn La	0534	Tráng A Páo	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA	43	Miễn thi	20		Đạt	
535	Sơn La	0535	Lò Công Tuyền	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
536	Sơn La	0536	Chu Thị Trang	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA	41	11	15		Không đạt	
537	Sơn La	0537	Nguyễn Thu Trang	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA	48	18	25		Đạt	
538	Sơn La	0538	Phạm Nhật Anh	Nam	1998	Chi cục THADS TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
539	Sơn La	0539	Lò Thành Công	Nam	1998	Chi cục THADS TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
540	Sơn La	0540	Vàng A Dê	Nam	1994	Chi cục THADS TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
541	Sơn La	0541	Hoàng Thị Duyên	Nữ	1997	Chi cục THADS TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA	19	Miễn thi	19		Không đạt	
542	Sơn La	0542	Nguyễn Thị Thu Hòa	Nữ	1996	Chi cục THADS TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
543	Sơn La	0543	Lò Văn Sơn	Nam	1998	Chi cục THADS TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
544	Sơn La	0544	Bạc Cầm Thị Thật	Nữ	1997	Chi cục THADS TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
545	Sơn La	0545	Ngô Nguyễn Thu Trang	Nữ	1998	Chi cục THADS TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
546	TT Huế	0546	Hồ Văn Dụ	Nam	1994	Chi cục THADS huyện A Lưới, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	52	Miễn thi	25		Đạt	
547	TT Huế	0547	Nguyễn Thanh Hoài	Nam	1987	Chi cục THADS huyện A Lưới, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	45	17	20		Đạt	
548	TT Huế	0548	Lê Văn Lối	Nam	1998	Chi cục THADS huyện A Lưới, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	44	Miễn thi	17		Đạt	
549	TT Huế	0549	Nguyễn Thanh Minh	Nam	1980	Chi cục THADS huyện A Lưới, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
550	TT Huế	0550	Hồ Thị Thảo Nguyên	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện A Lưới, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
551	TT Huế	0551	Trần Sửu	Nam	1997	Chi cục THADS huyện A Lưới, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
552	TT Huế	0552	Phan Văn Thú	Nam	1997	Chi cục THADS huyện A Lưới, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
553	TT Huế	0553	Nguyễn Hữu Hoàng Uyên	Nữ	1988	Chi cục THADS huyện A Lưới, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA			Miễn thi		Không đạt	Không dự thi
554	TT Huế	0554	Hoàng Công Ngọc Bảo	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Nam Đông, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	43	17	20		Đạt	
555	TT Huế	0555	Phạm Hoàng Mỹ Huyền	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Nam Đông, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
556	TT Huế	0556	Lê Thị Linh	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Nam Đông, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
557	TT Huế	0557	Nguyễn Y San	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Nam Đông, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
558	TT Huế	0558	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	1985	Chi cục THADS huyện Nam Đông, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
559	TT Huế	0559	Cao Thị Nhung	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Phong Điền, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
560	TT Huế	0560	Lê Thị Mỹ Tiên	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Phong Điền, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	54	28	29		Đạt	
561	TT Huế	0561	Hoàng Thị Thu Thủy	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Phong Điền, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	55	28	25		Đạt	
562	TT Huế	0562	Nguyễn Đài Trang	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Phong Điền, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
563	TT Huế	0563	Văn Thị Ngọc Trâm	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Phong Điền, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
564	TT Huế	0564	Trương Công Bình	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Phú Lộc, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
565	TT Huế	0565	Phan Thị Thanh Hằng	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Phú Lộc, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	56	26	28		Đạt	
566	TT Huế	0566	Nguyễn Hoàng Minh Hiển	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Phú Lộc, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
567	TT Huế	0567	Phan Nhật Nam	Nam	1994	Chi cục THADS huyện Phú Lộc, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
568	TT Huế	**0568**	Trần Thị Mộng Bằng	Nữ	1993	Chi cục THADS huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
569	TT Huế	**0569**	Đinh Văn Biên	Nam	1991	Chi cục THADS huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
570	TT Huế	**0570**	Hoàng Ngọc Khánh Linh	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	49	19	17		Đạt	
571	TT Huế	**0571**	Nguyễn Hữu Hoàng Minh	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
572	TT Huế	**0572**	Nguyễn Hữu Hoàng My	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
573	TT Huế	**0573**	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
574	TT Huế	**0574**	Phạm Thị Châu	Nữ	1983	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
575	TT Huế	**0575**	Ngô Mỹ Duyên	Nữ	1995	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
576	TT Huế	**0576**	Trần Thị Hương Giang	Nữ	1997	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
577	TT Huế	**0577**	Trương Thị Thu Hiền	Nữ	1999	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	49	14	21		Không đạt	
578	TT Huế	**0578**	Ngô Thị Ánh Hồng	Nữ	1999	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	55	26	26		Đạt	
579	TT Huế	**0579**	Nguyễn Thị Lài	Nữ	1997	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	57	25	26		Đạt	
580	TT Huế	**0580**	Trần Thị Hồng Ngọc	Nữ	1996	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	51	25	23		Đạt	
581	TT Huế	**0581**	Lê Bá Trí Nhân	Nam	1997	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
582	TT Huế	**0582**	Trần Hồng Nhung	Nữ	1997	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	52	24	23		Đạt	
583	TT Huế	**0583**	Ngô Vũ Minh Phú	Nam	1997	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	41	18	19		Đạt	
584	TT Huế	**0584**	Hoàng Thị Thanh Thúy	Nữ	1997	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	54	22	24		Đạt	
585	TT Huế	**0585**	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	1997	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
586	TT Huế	**0586**	Nguyễn Lương Trung	Nam	1997	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	50	25	22		Đạt	
587	TT Huế	**0587**	Cao Thế Vũ	Nam	1991	Chi cục THADS thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế	Chuyên viên tổ chức THA	49	8	23		Không đạt	
588	Tuyên Quang	**0588**	Hoàng Ngọc Ánh	Nữ	1991	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
589	Tuyên Quang	**0589**	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	52	26	17		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
590	Tuyên Quang	**0590**	Trần Thu Hằng	Nữ	1998	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
591	Tuyên Quang	**0591**	Hồ Hữu Hoàng	Nam	1999	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	41	16	22		Đạt	
592	Tuyên Quang	**0592**	Lăng Thị Minh Huệ	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
593	Tuyên Quang	**0593**	Phúc Hương Linh	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
594	Tuyên Quang	**0594**	Vũ Thùy Linh	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
595	Tuyên Quang	**0595**	Nguyễn Thế Lực	Nam	1991	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
596	Tuyên Quang	**0596**	Lê Hữu Quang	Nam	1995	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	43	19	15		Đạt	
597	Tuyên Quang	**0597**	Lâm Ngọc Thúy	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	49	23	23		Đạt	
598	Tuyên Quang	**0598**	Dương Thị Vân	Nữ	1995	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	38	16	22		Đạt	
599	Tuyên Quang	**0599**	Đỗ Vân Anh	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
600	Tuyên Quang	**0600**	Ma Thị Ngọc Ánh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
601	Tuyên Quang	**0601**	Đặng Hồng Duyên	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	38	Miễn thi	21		Đạt	
602	Tuyên Quang	**0602**	Chu Thúy Hiền	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	43	Miễn thi	17		Đạt	
603	Tuyên Quang	**0603**	Hoàng Thị Hiền	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
604	Tuyên Quang	**0604**	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	54	Miễn thi	22		Đạt	
605	Tuyên Quang	**0605**	Lâm Trung Huy	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	43	19	17		Đạt	
606	Tuyên Quang	**0606**	Hà Khánh Huyền	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	49	Miễn thi	22		Đạt	
607	Tuyên Quang	**0607**	Phạm Thị Mai Lan	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
608	Tuyên Quang	**0608**	Vàng Thành Long	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
609	Tuyên Quang	**0609**	Nông Thị Nhẫn	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
610	Tuyên Quang	**0610**	Lê Minh Phương	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	55	26	23		Đạt	
611	Tuyên Quang	**0611**	Ma Thị Thanh	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	50	Miễn thi	25		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
612	Tuyên Quang	**0612**	Nguyễn Thu Trang	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	52	Miễn thi	22		Đạt	
613	Tuyên Quang	**0613**	Hà Trọng Việt	Nam	1992	Chi cục THADS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	47	9	17		Không đạt	
614	Tuyên Quang	**0614**	Hoàng Châu Bình	Nữ	1997	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
615	Tuyên Quang	**0615**	Bàn Văn Chuyền	Nam	1995	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
616	Tuyên Quang	**0616**	Ma Thị Thùy Dung	Nữ	1998	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	39	Miễn thi	22		Đạt	
617	Tuyên Quang	**0617**	Phan Thị Thu Hằng	Nữ	1993	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
618	Tuyên Quang	**0618**	Cao Thị Kim Huế	Nữ	1996	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	43	22	24		Đạt	
619	Tuyên Quang	**0619**	Vũ Đình Long	Nam	1991	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	41	10	25		Không đạt	
620	Tuyên Quang	**0620**	Đỗ Thị Thùy Ngân	Nữ	1995	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
621	Tuyên Quang	**0621**	Lê Đặng Tú Quyên	Nữ	1998	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
622	Tuyên Quang	**0622**	Hà Thu Thảo	Nữ	1998	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	45	Miễn thi	16		Đạt	
623	Tuyên Quang	**0623**	Lê Hồng Thắm	Nữ	1997	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	52	27	26		Đạt	
624	Tuyên Quang	**0624**	Trần Anh Thư	Nữ	1997	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	41	Miễn thi	21		Đạt	
625	Tuyên Quang	**0625**	Vi Thị Trang	Nữ	1996	Chi cục THADS Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
626	Tuyên Quang	**0626**	Duy Minh Hà	Nữ	1999	Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
627	Tuyên Quang	**0627**	Nông Thị Diệp Hà	Nữ	1995	Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
628	Tuyên Quang	**0628**	Nguyễn Minh Hằng	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	32	Miễn thi	12		Không đạt	
629	Tuyên Quang	**0629**	Trần Thị Mai Lan	Nữ	1989	Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	45	19	15		Đạt	
630	Tuyên Quang	**0630**	Ma Thị Mơ	Nữ	1997	Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
631	Tuyên Quang	**0631**	Đào Thị Hà My	Nữ	1997	Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA	51	Miễn thi	22		Đạt	
632	Tuyên Quang	**0632**	Hà Kiều Oanh	Nữ	1996	Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
633	Thái Nguyên	**0633**	Lê Ngọc Hà	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
634	Thái Nguyên	**0634**	Hoàng Thị Hạ	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Chuyên viên tổ chức THA	49	17	16		Đạt	
635	Thái Nguyên	**0635**	Lê Thanh Tùng	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Chuyên viên tổ chức THA	45	26	19		Đạt	
636	Thanh Hóa	**0636**	Lương Linh Giang	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	45	Miễn thi	19		Đạt	
637	Thanh Hóa	**0637**	Dương Thị Hà	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
638	Thanh Hóa	**0638**	Trịnh Văn Hiếu	Nam	1991	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
639	Thanh Hóa	**0639**	Phạm Văn Hiệu	Nam	1989	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	38	Miễn thi	18		Đạt	
640	Thanh Hóa	**0640**	Trương Thị Minh Huyền	Nữ	1992	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	45	Miễn thi	17		Đạt	
641	Thanh Hóa	**0641**	Phạm Diệu Linh	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
642	Thanh Hóa	**0642**	Trương Hà Nam	Nam	1996	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	51	Miễn thi	18		Đạt	
643	Thanh Hóa	**0643**	Trịnh Thị Phượng	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
644	Thanh Hóa	**0644**	Lê Xuân Quý	Nam	1993	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	44	10	11		Không đạt	
645	Thanh Hóa	**0645**	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	32	11	17		Không đạt	
646	Thanh Hóa	**0646**	Phạm Thu Thủy	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	46	Miễn thi	18		Đạt	
647	Thanh Hóa	**0647**	Phùng Thị Thương	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
648	Thanh Hóa	**0648**	Ngọ Thị Thu Trang	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	50	22	20		Đạt	
649	Thanh Hóa	**0649**	Phùng Văn Bằng	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
650	Thanh Hóa	**0650**	Phạm Thị Tú Nam	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
651	Thanh Hóa	**0651**	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	41	16	15		Đạt	
652	Thanh Hóa	**0652**	Đỗ Thị Quyên	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
653	Thanh Hóa	**0653**	Đinh Thị Vân Quỳnh	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	37	13	17		Không đạt	
654	Thanh Hóa	**0654**	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
655	Thanh Hóa	**0655**	Phạm Duy Thắng	Nam	1998	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	37	16	8		Không đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
656	Thanh Hóa	**0656**	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
657	Thanh Hóa	**0657**	Trịnh Thị Trang	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	36	20	15		Đạt	
658	Thanh Hóa	**0658**	Bùi Thị Chinh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
659	Thanh Hóa	**0659**	Trần Phương Dung	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	43	8	15		Không đạt	
660	Thanh Hóa	**0660**	Bùi Thị Thúy Hằng	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	49	Miễn thi	22		Đạt	
661	Thanh Hóa	**0661**	Hà Mạnh Hùng	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	39	Miễn thi	19		Đạt	
662	Thanh Hóa	**0662**	Phạm Thị Lan	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	37	Miễn thi	13		Không đạt	
663	Thanh Hóa	**0663**	Vi Xuân Tiệp	Nam	1988	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
664	Thanh Hóa	**0664**	Lê Thu Trang	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
665	Thanh Hóa	**0665**	Nguyễn Thị Trang	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	56	26	27		Đạt	
666	Thanh Hóa	**0666**	Bùi Tố Uyên	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	46	Miễn thi	22		Đạt	
667	Thanh Hóa	**0667**	Lê Kim Duẫn	Nam	1995	Chi cục THADS huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	39	17	15		Đạt	
668	Thanh Hóa	**0668**	Lê Thị Liễu	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
669	Thanh Hóa	**0669**	Ngô Hoài Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	55	28	21		Đạt	
670	Thanh Hóa	**0670**	Nguyễn Vũ An	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
671	Thanh Hóa	**0671**	Hà Đức Mạnh	Nam	1999	Chi cục THADS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	40	Miễn thi	12		Không đạt	
672	Thanh Hóa	**0672**	Đỗ Thị Ngân	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	33	9	16		Không đạt	
673	Thanh Hóa	**0673**	Ngân Thị Nguyện	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
674	Thanh Hóa	**0674**	Cầm Thị Nhung	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
675	Thanh Hóa	**0675**	Bùi Vân Tiên	Nam	1985	Chi cục THADS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	45	Miễn thi	10		Không đạt	
676	Thanh Hóa	**0676**	Nguyễn Hữu Toàn	Nam	1985	Chi cục THADS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	45	8	15		Không đạt	
677	Thanh Hóa	**0677**	Lê Thị Thư	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	34	Miễn thi			Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
678	Thanh Hóa	**0678**	Lê Đỗ Lộc An	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
679	Thanh Hóa	**0679**	Nguyễn Anh Đức	Nam	1990	Chi cục THADS huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	34	14	17		Không đạt	
680	Thanh Hóa	**0680**	Vũ Quỳnh Hương	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	49	29	24		Đạt	
681	Thanh Hóa	**0681**	Lê Văn Khoa	Nam	1992	Chi cục THADS huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	49	20	15		Đạt	
682	Thanh Hóa	**0682**	Phùng Minh Thắng	Nam	1994	Chi cục THADS huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	38	22	22		Đạt	
683	Thanh Hóa	**0683**	Lê Thị Thủy	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
684	Thanh Hóa	**0684**	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	1992	Chi cục THADS huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
685	Thanh Hóa	**0685**	Lê Thị Mai Trang	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	46	28	19		Đạt	
686	Thanh Hóa	**0686**	Phạm Thị Trang	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	50	28	20		Đạt	
687	Thanh Hóa	**0687**	Vi Thị Quỳnh Anh	Nữ	1997	Chi cục THADS TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA			30		Không đạt	Không dự thi
688	Thanh Hóa	**0688**	Lê Mai Anh	nữ	1999	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	56	27	30		Đạt	
689	Thanh Hóa	**0689**	Trịnh Thị Hoa Đào	Nữ	1990	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
690	Thanh Hóa	**0690**	Trịnh Thu Giang	Nữ	1999	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	53	20	15		Đạt	
691	Thanh Hóa	**0691**	Đỗ Thị Hoài	Nữ	1997	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
692	Thanh Hóa	**0692**	Nguyễn Mạnh Khánh	Nam	1994	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	45	17	22		Đạt	
693	Thanh Hóa	**0693**	Trần Thị Mai Lê	Nữ	1996	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
694	Thanh Hóa	**0694**	Trần Khánh Linh	Nữ	1998	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	49	27	23		Đạt	
695	Thanh Hóa	**0695**	Đặng Anh Minh	Nam	1998	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	21	15	15		Không đạt	
696	Thanh Hóa	**0696**	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	1999	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
697	Thanh Hóa	**0697**	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	1997	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
698	Thanh Hóa	**0698**	Hoàng Xuân Toàn	Nam	1996	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	36	15	21		Đạt	
699	Thanh Hóa	**0699**	Khương Thị Tuyến	Nữ	1994	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
700	Thanh Hóa	**0700**	Hoàng Thị Trang	Nữ	1999	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
701	Thanh Hóa	**0701**	Lê Quỳnh Trang	Nữ	1996	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
702	Thanh Hóa	**0702**	Lê Thị Trang	Nữ	1995	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
703	Thanh Hóa	**0703**	Lưu Hà Trang	Nữ	1995	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	51	24	22		Đạt	
704	Thanh Hóa	**0704**	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	1997	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	51	23	28		Đạt	
705	Thanh Hóa	**0705**	Lê Hải Yến	Nữ	1998	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	53	29	25		Đạt	
706	Thanh Hóa	**0706**	Mai Thị Hải Yến	Nữ	1998	Chi cục THADS TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
707	Thanh Hóa	**0707**	Nguyễn Phương Anh	Nữ	1997	Chi cục THADS thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	46	29	27		Đạt	
708	Thanh Hóa	**0708**	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	1998	Chi cục THADS thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	57	27	28		Đạt	
709	Thanh Hóa	**0709**	Lê Thị Trang	Nữ	1997	Chi cục THADS thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	42	17	12		Không đạt	
710	Thanh Hóa	**0710**	Lê Thị Trang	Nữ	1993	Chi cục THADS thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
711	Thanh Hóa	**0711**	Lê Thị Dung	Nữ	1998	Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	37	13	18		Không đạt	
712	Thanh Hóa	**0712**	Trịnh Trung Kiên	Nam	1997	Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	45	18	22		Đạt	
713	Thanh Hóa	**0713**	Trương Diệu Linh	Nữ	1997	Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	45	19	20		Đạt	
714	Thanh Hóa	**0714**	Đậu Thị Long	Nữ	1993	Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
715	Thanh Hóa	**0715**	Lê Thị Minh	Nữ	1996	Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	52	27	27		Đạt	
716	Thanh Hóa	**0716**	Hồ Thị Thanh	Nữ	1981	Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA	27	5	10		Không đạt	
717	Thanh Hóa	**0717**	Hoàng Thị Lan	Nữ	1997	Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
718	Vĩnh Phúc	**0718**	Phạm Châu Giang	Nữ	1980	Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc	Chuyên viên tổ chức THA	55	22	22		Đạt	
719	Vĩnh Phúc	**0719**	Lê Thu Huyền	Nữ	1999	Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc	Chuyên viên tổ chức THA	40	20	18		Đạt	
720	Vĩnh Phúc	**0720**	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	1994	Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc	Chuyên viên tổ chức THA	47	20	22		Đạt	
721	Vĩnh Phúc	**0721**	Vũ Thị Thúy Nga	Nữ	1997	Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
722	Vĩnh Phúc	**0722**	Đầu Như Nguyệt	Nữ	1996	Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc	Chuyên viên tổ chức THA					Không đạt	Không dự thi
723	Tổng cục THADS	**0723**	Đinh Thị Thu Trang	Nữ	1996	Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục THADS	Chuyên viên lưu trữ	47	16	25		Đạt	
724	Bắc Giang	**0724**	Nguyễn Nguyệt Hằng	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
725	Bắc Giang	**0725**	Trần Cúc Phương	1990	Nữ	Chi cục THADS huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Kế toán viên	42	20	21		Đạt	
726	Bắc Giang	**0726**	Nông Thị Lan Anh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
727	Bắc Giang	**0727**	Vi Thị Ngọc Anh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Kế toán viên	41	Miễn thi	23		Đạt	
728	Bắc Giang	**0728**	Vi Trà My	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
729	Bắc Giang	**0729**	Ngô Thị Thu Trang	1992	Nữ	Chi cục THADS huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Kế toán viên	39	Miễn thi	18		Đạt	
730	Bắc Kạn	**0730**	Phạm Thị Ngọc Ánh	Nữ	1994	Chi cục THADS thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
731	Bắc Kạn	**0731**	Tô Thị Ngọc Diệu	Nữ	1996	Chi cục THADS thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
732	Bắc Kạn	**0732**	Phúc Thị Hoài	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
733	Bắc Kạn	**0733**	Trương Mạnh Tiến	Nam	1992	Chi cục THADS thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
734	Bắc Kạn	**0734**	Lâm Huyền Trang	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
735	Bắc Kạn	**0735**	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	1989	Chi cục THADS thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Kế toán viên	36	16	18		Đạt	
736	Bắc Ninh	**0736**	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	1996	Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Kế toán viên	43	19	22		Đạt	
737	Bắc Ninh	**0737**	Nguyễn Thị Mai Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Kế toán viên	47	21	19		Đạt	
738	Bắc Ninh	**0738**	Phạm Thị Thương	Nữ	1992	Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Kế toán viên	49	17	22		Đạt	
739	Bắc Ninh	**0739**	Nguyễn Thị Trà	Nữ	1989	Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Kế toán viên	43	20	20		Đạt	
740	Bắc Ninh	**0740**	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Kế toán viên	43	30	25		Đạt	
741	Hà Giang	**0741**	Nguyễn Đoan Trang	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
742	Hà Giang	**0742**	Mai Thị Hương	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	Kế toán viên	50	21	27		Đạt	
743	Hà Nội	**0743**	Trịnh Hoài Phương	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Hoài Đức, TP Hà Nội	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
744	Hà Nội	0744	Bùi Ánh Tuyết	Nữ	1985	Chi cục THADS huyện Hoài Đức, TP Hà Nội	Kế toán viên	38	23	19		Đạt	
745	Hà Nội	0745	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	Kế toán viên	47	19	20		Đạt	
746	Hà Nội	0746	Nguyễn Thị Thu	Nữ	1993	Chi cục THADS huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	Kế toán viên	44	17	17		Đạt	
747	Hà Nội	0747	Nguyễn Thị Hà	Nữ	1995	Chi cục THADS quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Kế toán viên	55	28	27		Đạt	
748	Hà Nội	0748	Lê Quang Hiếu	Nam	1999	Chi cục THADS quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Kế toán viên	51	28	26		Đạt	
749	Hà Nội	0749	Trần Thái Linh	Nữ	1987	Chi cục THADS quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Kế toán viên	52	30	28		Đạt	
750	Hà Nội	0750	Đỗ Công Thìn	Nam	1988	Chi cục THADS quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
751	Hà Nội	0751	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	1995	Chi cục THADS quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
752	Hà Nội	0752	Bùi Thị Hồng Vân	Nữ	1994	Chi cục THADS quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Kế toán viên	45	21	18		Đạt	
753	Hải Phòng	0753	Trần Thu Hồng	Nữ	1988	Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Kế toán viên	53	27	19		Đạt	
754	Hải Phòng	0754	Lê Thị Lụa	Nữ	1992	Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
755	Hưng Yên	0755	Lưu Ngọc Bích	Nữ	1991	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Kế toán viên	45	20	19		Đạt	
756	Hưng Yên	0756	Nguyễn Thị My	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
757	Hưng Yên	0757	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Kế toán viên	53	29	27		Đạt	
758	Hưng Yên	0758	Hoàng Thị Hải Yến	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Kế toán viên	43	27	20		Đạt	
759	Lạng Sơn	0759	Trần Thị Thúy Nga	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Kế toán viên	43	26	23		Đạt	
760	Lạng Sơn	0760	Hoàng Thị Kim Hình	Nữ	1995	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Kế toán viên	52	Miễn thi	22		Đạt	
761	Lạng Sơn	0761	Hà Thanh Kim Huệ	Nữ	1990	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
762	Lạng Sơn	0762	Hà Thị Thanh Mai	Nữ	1993	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
763	Lạng Sơn	0763	Lê Bích Ngọc	Nữ	1991	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
764	Lạng Sơn	0764	Dương Thị Sang	Nữ	1998	Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
765	Lào Cai	0765	Lê Thị Xuân Hiền	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Kế toán viên	34	16	20		Đạt	

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
766	Nam Định	**0766**	Đặng Thị Cẩm	Nữ	1993	Cục THADS tỉnh Nam Định	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
767	Nam Định	**0767**	Trần Thị Thanh Mai	Nữ	1989	Cục THADS tỉnh Nam Định	Kế toán viên	50	26	21		Đạt	
768	Nghệ An	**0768**	Lê Thị Sâm	Nữ	1991	Chi cục THADS huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Kế toán viên	34	15	20		Đạt	
769	Sơn La	**0769**	Nguyễn Thị Nhài	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Kế toán viên	47	Miễn thi	25		Đạt	
770	Thanh Hóa	**0770**	Lê Thị Hoàng Long	Nữ	1989	Chi cục THADS huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên	53	18	18		Đạt	
771	Thanh Hóa	**0771**	Hà Thị Thúy	Nữ	1990	Chi cục THADS huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên	43	Miễn thi	26		Đạt	
772	Thanh Hóa	**0772**	Nguyễn Thị Hương	Nữ	1998	Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa	Kế toán viên	36	18	16		Đạt	
773	Thanh Hóa	**0773**	Nguyễn Việt Cường	Nam	1997	Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
774	Thanh Hóa	**0774**	Lê Ngọc Hải	Nam	1991	Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên	51	23	23		Đạt	
775	Thanh Hóa	**0775**	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	1994	Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên	49	27	23		Đạt	
776	Thanh Hóa	**0776**	Lê Nguyễn Khánh Linh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên	51	30	15		Đạt	
777	Thanh Hóa	**0777**	Trịnh Thị Kiều Oanh	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên	55	24	27		Đạt	
778	Thanh Hóa	**0778**	Phạm Thùy Trang	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên	41	18	26		Đạt	
779	Thanh Hóa	**0779**	Lữ Văn Chiến	Nam	1993	Chi cục THADS huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên	43	Miễn thi	15		Đạt	
780	Thanh Hóa	**0780**	Hà Thị Hiền	Nữ	1991	Chi cục THADS huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên	47	Miễn thi	19		Đạt	
781	Thanh Hóa	**0781**	Hà Thị Hiệp	Nữ	1999	Chi cục THADS huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên		Miễn thi			Không đạt	Không dự thi
782	Thanh Hóa	**0782**	Dương Khắc Đông	Nam	1994	Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
783	Thanh Hóa	**0783**	Lê Thị Trà Giang	Nữ	1996	Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Kế toán viên					Không đạt	Không dự thi
784	Quảng Trị	**0784**	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Nữ	1991	Chi cục THADS huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Văn thư viên trung cấp	44	Miễn thi	Miễn thi		Đạt	CC loại D; không phải thi NN, TH
785	Quảng Trị	**0785**	Mai Thị Thanh Huyền	Nữ	1995	Chi cục THADS huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Văn thư viên trung cấp	39	Miễn thi	Miễn thi		Đạt	CC loại D; không phải thi NN, TH

STT	Tỉnh, thành phố	SBD	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Số câu đúng			Trừ điểm bài thi	Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
786	Quảng Trị	**0786**	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1996	Chi cục THADS huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Văn thư viên trung cấp	48	Miễn thi	Miễn thi		Đạt	CC loại D; không phải thi NN, TH
787	Vĩnh Phúc	**0787**	Hoàng Thị Loan	Nữ	1982	Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Văn thư viên trung cấp	54	Miễn thi	Miễn thi		Đạt	CC loại D; không phải thi NN, TH
788	Vĩnh Phúc	**0788**	Bùi Thị Hồng Mến	Nữ	1988	Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Văn thư viên trung cấp	52	Miễn thi	Miễn thi		Đạt	CC loại D; không phải thi NN, TH
789	Vĩnh Phúc	**0789**	Nguyễn Thị Bích Thủy	Nữ	1980	Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Văn thư viên trung cấp	58	Miễn thi	Miễn thi		Đạt	CC loại D; không phải thi NN, TH